

lạnh là 60%, chua là 30%.

- Đánh giá theo kích thích cọ xát, tỷ lệ răng còn nhạy cảm chỉ còn 2,49%.

- Đánh giá theo kích thích hơi:

+ Tỷ lệ răng hết nhạy cảm là 69,23%.

+ Điểm trung bình của bệnh nhân giảm còn 0,67 sau 4 tuần điều trị.

- Ở những răng bị nhạy cảm mức độ nhẹ và trung bình hiệu quả giảm nhạy cảm ngay sau 1 tuần khám lại và tồn tại suốt thời gian nghiên cứu, không phụ thuộc vào loại kích thích.

- Có sự khác biệt rõ rệt về hiệu quả điều trị giữa 3 nhóm nhẹ, trung bình và nặng.

+ Ở nhóm nhẹ: điểm trung bình giảm 86,21%.

+ Ở nhóm trung bình: điểm trung bình giảm 80,71%.

+ Ở nhóm nặng: điểm trung bình giảm 56,38%.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. James.R (2003) Consensus-Based Recommendations for the Diagnosis and Management of Dentin Hypersensitivity. *Journal of Canadian Dental Association*; 69:221-6.

2. Martin Addy. (2002) Dentine Hypersensitivity: New perspectives on an old problem. *International Dental Journal*. 2002; 52:367-375.

3. Tống Minh Sơn.(2013) Tình trạng nhạy cảm ngà răng của nhân viên công ty Bảo hiểm Nhân thọ tại Hà Nội. *Nghiên cứu Y học* 2013, số 5 tr.31-38.

ĐÁNH GIÁ TỶ LỆ TĂNG HUYẾT ÁP CỦA NGƯỜI DÂN TỪ 30 TUỔI TRỞ LÊN TẠI PHƯỜNG PHƯƠNG CANH, QUẬN NAM TỪ LIÊM, HÀ NỘI NĂM 2015

TÓM TẮT

Nghiên cứu 400 người dân từ 30 tuổi trở lên tại phường Phương Canh, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội năm 2015 chúng tôi thu được kết quả như sau: Tỷ lệ hiện mắc THA là 29,3%; Tỷ lệ THA mới phát hiện trong lúc khảo sát là 5,5%; Tỷ lệ tăng huyết áp giữa nam giới 29,1% thấp hơn ở nữ giới 29,4%. Tỷ lệ THA có xu hướng giảm dần theo trình độ học vấn.

Từ khóa: Tỷ lệ tăng huyết áp.

SUMMARY

EVALUATION OF HYPERTENSION RATE FROM PEOPLE IN 30 YEARS OR OLDER IN PHUONG CANH, NAM TU LIEM, HANOI IN 2015

Studied 400 people from 30 years and over in Phuong Canh, Nam Tu Liem, Hanoi in 2015 we obtained the following results: The prevalence of hypertension was 29.3%; Proportion of new hypertension detected during the survey was 5.5%; The rate of hypertension between men 29.1%, lower than 29.4% in women. The rate of hypertension tend decreases with education level.

Keyword: Prevalence of hypertension.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Theo thống kê của tổ chức Y tế thế giới năm 2012, ước tính trong 57 triệu ca tử vong trên toàn cầu trong năm 2008 có 36 triệu ca tử vong (63%) là do bệnh không lây. Tỷ trọng lớn nhất của bệnh không lây tương hợp tử vong là do các bệnh tim mạch (48%) [7].

TRẦN TRỌNG DƯƠNG¹,

PHẠM HÙNG TIẾN², TRẦN QUANG TRUNG³

¹Cục Y tế, Tổng cục Hậu cần-Kỹ thuật, Bộ Công an

²Trường Đại học Y tế công cộng

³Học viện Quân Y

Trong đó tăng huyết áp là một trong những yếu tố nguy cơ hàng vi và sinh lý hàng đầu. Tăng huyết áp ảnh hưởng đến sức khỏe của hơn 1 tỷ người trên toàn thế giới và là yếu tố nguy cơ tim mạch quan trọng nhất liên quan đến bệnh mạch vành, suy tim, bệnh mạch máu não và bệnh thận mạn tính. Tăng huyết áp là bệnh phổ biến trên thế giới cũng như ở Việt Nam, là mối đe dọa rất lớn đối với sức khỏe của con người, là nguyên nhân gây tàn phế và tử vong hàng đầu ở người cao tuổi [6]. Và tăng huyết áp được báo cáo là thứ tư đóng góp đến tử vong ở các nước phát triển và thứ bảy ở các nước đang phát triển.

Phường Phương Canh, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội là một phường mới được thành lập và tách ra từ một xã của huyện Từ Liêm cũ, có dân số khá đông, trong thời gian gần đây theo nhiều báo cáo cho thấy tình hình tăng huyết áp đang diễn biến phức tạp. Song lại chưa có nghiên cứu nào được thực hiện để khảo sát tình hình tăng huyết áp tại địa phương. Với mục đích đánh giá thực trạng tỷ lệ bệnh tăng huyết áp, nghiên cứu sẽ cung cấp các thông tin, bằng chứng để cải thiện dịch vụ y tế cũng như xây dựng chiến lược phòng và điều trị tăng huyết áp có hiệu quả hơn. Do đó, chúng tôi thực hiện đề tài này với mục tiêu xác định tỷ lệ tăng huyết áp ở người dân từ 30 tuổi trở lên tại Phường Phương Canh, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội năm 2015.

ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Đối tượng, địa điểm và thời gian nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu: Người dân sinh sống tại Phường Phương Canh, Quận Nam Từ Liêm từ 6 tháng trở lên kể từ thời điểm điều tra.

- Tiêu chuẩn chọn mẫu: Người dân từ 30 tuổi trở lên có hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú tại Phường Phương Canh, Quận Nam Từ Liêm từ 6 tháng trở lên

Chịu trách nhiệm: Trần Trọng Dương
Địa chỉ: Cục Y tế, Tổng cục IV, Bộ Công an

Email: bsduongretechco@gmail.com

Ngày nhận: 21/7/2016

Ngày phân biệt: 06/8/2016

Ngày duyệt bài: 24/8/2016

Ngày xuất bản: 20/9/2016

kể từ thời điểm điều tra.

- Tiêu chuẩn loại trừ: Những đối tượng vắng mặt trong thời gian nghiên cứu; Người bị cấm đoán; Người bị bệnh tâm thần, thiếu năng trí tuệ; Những người không đồng ý tham gia phỏng vấn.

* Thời gian và địa điểm nghiên cứu: Từ tháng 8/2014 đến tháng 5/2015 tại các hộ gia đình trên địa bàn Phường Phương Canh, Quận Nam Từ Liêm.

2. Phương pháp nghiên cứu

* Thiết kế nghiên cứu: Phương pháp nghiên cứu mô tả cắt ngang cơ phân tích.

* Cơ mẫu:

Áp dụng công thức tính cỡ mẫu ước tính một tỷ lệ trong quần thể:

$$n = Z^2 \cdot \frac{p(1-p)}{d^2}$$

Trong đó: n: là cỡ mẫu nghiên cứu ước lượng.
α: là mức ý nghĩa 0,05% (xác suất sai lầm loại 1), độ tin cậy 95%.

Z: là trị số từ phân phối chuẩn (Z 0,975 = 1,96 với α=0,05).

p: là tỷ lệ tăng huyết áp của người dân, chọn p = 0,241 (Theo kết quả nghiên cứu của Trần Phi Hùng thì tỷ lệ tăng huyết áp chung là 24,1%) [3].

d: sai số cho phép của nghiên cứu, chọn d = 5%.

Thay vào công thức ta được n = 281 người.

Cộng thêm 15% sai số, hao hụt trong nghiên cứu và làm tròn, cỡ mẫu sau cùng là 400 người.

* Phương pháp xử lý số liệu: Phần mềm SPSS 20.0

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Bảng 1. Đặc điểm chung về giới và nhóm tuổi của đối tượng nghiên cứu

Đặc tính (n=400)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Giới	Nam	189
	Nữ	211
Nhóm tuổi	30-34	120
	35-44	98
	45-54	83
	55-64	49
	≥ 65	50

Nhận xét: Về giới, nam chiếm 47,2%, nữ chiếm 52,8%. Về nhóm tuổi, cao nhất là nhóm tuổi từ 25-34 chiếm 30%, thấp nhất là nhóm tuổi từ 55-64 chiếm 12,3%.

Bảng 2. Đặc điểm chung về trình độ học vấn và nghề nghiệp của đối tượng nghiên cứu

Đặc tính (n=400)	Số lượng	%
Trình độ học vấn	Mù chữ	26
	Thấp hơn tiểu học	75
	Tốt nghiệp tiểu học	128
	Tốt nghiệp THCS	83
	Tốt nghiệp THPT	68
Nghề nghiệp	Tốt nghiệp cao đẳng, đại học	20
	Buôn bán	109
	Nội trợ	90
	Nông dân	68
	Nghỉ hưu	44
	Làm thuê	39
	CBVC	29
Nghề khác	7	

Nhận xét: Về trình độ học vấn, mù chữ chiếm 6,5%, thấp hơn tiểu học là 18,7%, tốt nghiệp tiểu học là 32%, tốt nghiệp THCS là 20,8%, tốt nghiệp THPT là 17%, tốt nghiệp cao đẳng, đại học là 5%. Về nghề nghiệp, chiếm tỷ lệ cao nhất là buôn bán 27,3%, tiếp theo là nội trợ 22,5%, nông dân 17%, nghỉ hưu 11%, làm thuê 9,8%, CBVC 7,2% và nghề khác là 5,2%.

Bảng 3. Đặc điểm về thói quen hút thuốc lá, hút thuốc lá thụ động và thói quen uống rượu, bia

Đặc tính (n = 400)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Hút thuốc lá	Có	137
	Không	263
Hút thuốc lá ≥ 10 điếu/ngày	Có	106
	Không	294
Hút thuốc lá thụ động	Có	48
	Không	352
Uống rượu bia	Có	159
	Không	241

Nhận xét: Qua khảo sát có 137 người có hút thuốc lá chiếm 34,3%. Có 106 người hút thuốc lá ≥ 10 điếu mỗi ngày chiếm 26,5%. Có 48 người có hút thuốc lá thụ động, chiếm 12%. Có 352 người không hút thuốc thụ động, chiếm 88%. Có 159 người có uống rượu bia, chiếm 39,8%. Có 241 người không uống rượu bia, chiếm 60,2%.

Bảng 4. Đặc điểm về chế độ ăn

Đặc tính (n = 400)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Ăn rau củ, trái cây ≥ 2,5 suất chuẩn/ngày	Có	116
	Không	284
Ăn mặn ≥ 4 ngày/tuần	Có	296
	Không	144
Ăn nhiều dầu mỡ ≥ 5 ngày/tuần	Có	108
	Không	294

Nhận xét: Có 29% người có ăn rau củ, trái cây ≥ 2,5 suất chuẩn/ngày. Có 64% người có ăn mặn ≥ 4 ngày/tuần và 38% người không ăn mặn ≥ 4 ngày/tuần. Có 26,5% người có ăn nhiều dầu mỡ ≥ 5 ngày/tuần.

Bảng 5. Đặc điểm về hoạt động thể lực của đối tượng

Hoạt động thể lực	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Có	387	
Không	33	
Tổng	400	

Nhận xét: Có 91,8% người có hoạt động thể lực và có 8,2% người có hoạt động thể thao.

Bảng 6. Đặc điểm tỷ số vòng bụng/vòng mông

Đặc tính (n = 400)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Tỷ số vòng bụng/vòng mông ở nam	≥ 0,9	53
	< 0,9	136
Tỷ số vòng bụng/vòng mông ở nữ	≥ 0,85	128
	< 0,85	83

Nhận xét: Qua kết quả nghiên cứu, có 28% nam giới có tỷ số vòng bụng/vòng mông ≥ 0,9 và 60,7% nữ giới có tỷ số vòng bụng/vòng mông ≥ 0,85.

Bảng 7. Đặc điểm tiền sử gia đình THA và tiền sử đái tháo đường

Đặc tính (n = 400)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Tiền sử gia đình THA	Có	85
	Không	316
Đái tháo đường	Có	18
	Không	382

Nhận xét: Có 21,3% người có tiền sử gia đình THA và 78,7% người không có tiền sử gia đình THA. Có 4,5% người bị bệnh đái tháo đường và 95,5% người không bị bệnh đái tháo đường.

Tỷ lệ hiện mắc THA của người dân từ 30 tuổi trở lên: Khảo sát 400 người dân tuổi từ 30 tuổi trở lên Phường Phương Canh, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội năm 2015 có 117 người bị THA với tỷ lệ là 29,3% và 283 người không bị THA với tỷ lệ 70,7%.

Tỷ lệ tăng huyết áp mới phát hiện lúc khảo sát
 Trong khảo sát 400 người dân tuổi từ 30 tuổi trở có 22 người bị THA mới phát hiện lúc khảo sát chiếm 8,8%.



Biểu đồ 1. Tỷ lệ tăng huyết áp theo trình độ học vấn
 Nhận xét: Tỷ lệ THA có xu hướng giảm dần theo trình độ học vấn. Nhóm người có tỷ lệ THA cao nhất là người mù chữ 95%, thấp nhất là nhóm người tốt nghiệp THPT 19,1%.

BÀN LUẬN

Vấn đề giới: Qua khảo sát cho thấy giới nam tham gia phỏng vấn là 47,2% và nữ là 52,8%, tỷ lệ nữ tham gia phỏng vấn cao hơn nam phù hợp với đối tượng nghiên cứu tại thị trấn. Kết quả này cũng phù hợp với kết quả nghiên cứu của Huỳnh Văn Côn tại huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang (2010) 53,9% nữ giới, 46,1% nam giới và Nguyễn Thanh Tùng tại tỉnh Hậu Giang (2010) nữ giới 54,2%, nam giới 45,8% [1], [5].

Về tuổi: Trong khảo sát đối tượng nhỏ tuổi nhất là 30 tuổi và đối tượng lớn tuổi nhất là 88 tuổi, tuổi trung bình của đối tượng là 45 tuổi. Nhóm tuổi từ 25-34 chiếm 30%, nhóm tuổi từ 35-44 chiếm 24,5%, nhóm tuổi từ 45-54 chiếm 20,7%, nhóm tuổi từ 55-64 chiếm 12,3%, nhóm tuổi ≥ 65 chiếm 12,5%. Trong đó tỷ lệ nữ và nam phân bố không đồng đều giữa các nhóm tuổi, nữ thường cao hơn nam. Kết quả này dựa theo sự phân bố nhóm tuổi của đối tượng thực tế tại địa phương, nhóm tuổi từ 30-34 chiếm tỷ lệ cao nhất và thấp nhất là nhóm tuổi từ 66-64 tuổi.

Về trình độ học vấn: Có 6,5% đối tượng mù chữ, thấp hơn tiêu học là 18,7%, tốt nghiệp tiểu học là 32%, tốt nghiệp THCS là 20,8%, tốt nghiệp THPT là 17%, tốt nghiệp cao đẳng, đại học là 5%. Kết quả tương đối phù hợp với nghiên cứu của Trần Phi Hùng tại quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ (2012) mù chữ 0,7%, chưa hết tiểu học 8,1%, cấp tiểu học 20,1%, THCS 31,5%, THPT 25,3%, Cao đẳng, đại học 13,7%, sau đại học 0,4%. Tỷ lệ này cao hơn nghiên cứu của Huỳnh Văn Côn tại huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang (2010) không biết chữ là 17,5%, cấp I là 50,1%, cấp II là 28,1%, cấp III, đại học là 4,4% và nghiên cứu của Hồng Mùng Hai tại tỉnh Cà Mau (2013) mù chữ

1,7%, tiểu học 55,5%, THCS 31,6%, THPT 5,2%, cao đẳng đại học trở lên 5,9% [1], [2], [3] do đây là hai nghiên cứu được thực hiện tại Hậu Giang và Cà Mau nên thấp hơn nghiên cứu tại thành phố Cần Thơ là phù hợp.

Về nghề nghiệp: Chiếm tỷ lệ cao nhất là buôn bán 27,3%, tiếp theo là nội trợ 22,5%, nông dân 17%, nghỉ hưu, mất sức lao động 11%, làm thuê 9,8%, công chức nhà nước 7,2%, nghề khác 5,2%. Nghề nghiệp chủ yếu là lao động chân tay 84,9%, tương ứng với nghiên cứu của Huỳnh Văn Côn tại huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang 72%, Hồng Mùng Hai tại tỉnh Cà Mau 90,5% [1], [2], [3] lao động trí óc 7,3%, mất sức lao động 11%. Kết quả này phù hợp với đặc điểm đời sống và sinh hoạt của người dân tại thị trấn Phong Điền.

Thói quen hút thuốc lá: Hút thuốc lá là hành vi nguy cơ gây bệnh THA hiện nay đang được khuyến cáo rộng rãi cho người dân. Trong nghiên cứu tỷ lệ người hút thuốc lá là 34,3%. Trong đó có 26,5% người hút thuốc ≥ 10 điếu/ngày. Nghiên cứu của chúng tôi thấp hơn nghiên cứu của Huỳnh Văn Côn tại huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang năm 2010, tỷ lệ người hút thuốc lá là 36,1%, cao hơn nghiên cứu của Trần Phi Hùng ở quận Ninh Kiều, Cần Thơ năm 2012, tỷ lệ người hút thuốc lá là 30% [1].

Thói quen uống rượu bia: Kết quả nghiên cứu cho thấy 39,8% người có uống bia rượu. Kết quả này cao hơn nghiên cứu của Phạm Thị Tâm, Nguyễn Tấn Đạt, Lê Minh Hữu (2014) tại huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang 25,4%, nghiên cứu của tác giả Nguyễn Thanh Tùng (2010) tại tỉnh Hậu Giang tỷ lệ là 38,6% [4], [5]. Điều này cho thấy thói quen uống rượu bia của người dân vẫn còn cao, lạm dụng rượu bia là yếu tố nguy cơ quan trọng trong bệnh tăng huyết áp và các bệnh tim mạch khác. Do đó cần tuyên truyền giáo dục, nâng cao ý thức cộng đồng về ảnh hưởng cũng như tác hại của rượu đối với sức khỏe con người, ảnh hưởng đến xã hội, xã hội.

Ăn trái cây và rau củ: Qua khảo sát cho thấy có 99% người có ăn trái cây và 99,8% người có ăn rau củ trong tuần. Trong nghiên cứu có 29% người ăn rau quả ≥ 2,5 suất chuẩn/ngày. Kết quả này thấp hơn nhiều so với nghiên cứu của Phạm Thị Tâm, Nguyễn Tấn Đạt, Lê Minh Hữu (2014) tại huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang tỷ lệ người ăn rau quả ≥ 2,5 suất chuẩn/ngày là 77% [4].

Thói quen ăn mặn: Kết quả nghiên cứu cho thấy có 64% người ăn mặn. Kết quả này thấp hơn nghiên cứu của tác giả Nguyễn Thanh Tùng (2010) tại tỉnh Hậu Giang tỷ lệ người ăn mặn là 80,4%, nghiên cứu của Phạm Thị Tâm, Nguyễn Tấn Đạt, Lê Minh Hữu (2014) tại huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang tỷ lệ người ăn mặn 51,1% [4], [5].

Thói quen ăn nhiều dầu mỡ: Trong nghiên cứu có 98,8% người có ăn đồ chiên xào trong tuần, kết quả này cao hơn nghiên cứu tại tỉnh Hậu Giang của Nguyễn Thanh Tùng (2010) có 88,2% người ăn đồ chiên xào [5]. Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy có 26,5% người ăn nhiều dầu mỡ ≥ 5 ngày/tuần. Qua đó cho thấy cứ 4 người lại có 1 người ăn nhiều dầu mỡ, ăn nhiều dầu mỡ là một trong những yếu tố nguy cơ

cho bệnh THA nói riêng và tim mạch nói chung ảnh hưởng xấu đến sức khỏe của cộng đồng cần được quan tâm và cải thiện.

* Hoạt động thể lực: Kết quả nghiên cứu có 91,8% người có hoạt động thể lực và 8,2% người không có hoạt động thể lực. Theo nghiên cứu của Trần Văn Sang, nghiên cứu trên đối tượng người cao tuổi tại huyện An Phú, tỉnh An Giang, có mối liên quan giữa đi bộ/xe đạp và tăng huyết áp. Có mối liên quan giữa số ngày đi bộ/xe đạp ≥ 30 phút/tuần và tăng huyết áp với $p < 0,05$. Kết quả này cao hơn kết quả nghiên cứu của Huỳnh Văn Côn tại huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang năm 2010 với tỷ lệ người có hoạt động thể lực là 65,6% [1].

* Tỷ số vòng bụng/vòng mông: Béo bụng là một trong những biểu hiện của béo phì, qua đó lượng chất béo trong cơ thể tích lũy qua nhiều đến mức mà nó gây những ảnh hưởng xấu đến sức khỏe nói chung và bệnh tăng huyết áp nói riêng. Qua nghiên cứu có 28% nam giới có tỷ số vòng bụng/vòng mông $\geq 0,9$ và 60,7% nữ giới có tỷ số vòng bụng/vòng mông $\geq 0,85$.

* Tiền sử tăng huyết áp gia đình: Trong nghiên cứu của chúng tôi có 21,3% người có tiền sử gia đình tăng huyết áp. Những người có liên quan trong gia đình bao gồm ông nội, cha mẹ ruột, anh chị em ruột. Kết quả này cao hơn kết quả nghiên cứu của Nguyễn Thanh Tùng (2010) tại tỉnh Hậu Giang có 20,6% người có tiền sử gia đình bị tăng huyết áp, cao hơn nghiên cứu của Huỳnh Văn Côn tại huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang năm 2010 tỷ lệ 32,4% [1], [3].

* Tiền sử đái tháo đường bản thân: Qua nghiên cứu có 4,5% đối tượng có tiền sử bị bệnh đái tháo đường. Kết quả này cao hơn kết quả của Nguyễn Thanh Tùng (2010) tại tỉnh Hậu Giang tỷ lệ 2,8% [5].

KẾT LUẬN

Tỷ lệ hiện mắc THA ở Phường Phương Canh,

Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội năm 2015 là 29,3%. Tỷ lệ THA mới phát hiện trong lúc khảo sát là 5,5%. Tỷ lệ tăng huyết áp giữa nam giới 29,1% thấp hơn ở nữ giới 29,4%. Tỷ lệ THA có xu hướng giảm dần theo trình độ học vấn. Nhóm người có tỷ lệ THA cao nhất là người m chữ 50%, thấp nhất là nhóm người tốt nghiệp THPT 19,1%.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Huỳnh Văn Côn (2010), "Nghiên cứu tình hình tăng huyết áp và một số yếu tố liên quan ở người dân từ 30-75 tuổi tại huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang", Luận văn chuyên khoa cấp II, Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.
2. Hồng Mùng Hai (2013), "Nghiên cứu tình hình tăng huyết áp ở người từ 25 tuổi trở lên và kết quả can thiệp tại huyện Phú Tân tỉnh Cà Mau năm 2013", Luận văn tốt nghiệp chuyên khoa cấp II, Trường Đại học y dược Cần Thơ.
3. Trần Phi Hùng (2012), "Nghiên cứu tình hình tăng huyết áp và một số yếu tố liên quan ở người dân từ 25-64 tuổi tại quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ", Luận văn chuyên khoa cấp I, Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.
4. Phạm Thị Tâm, Nguyễn Tấn Đạt & Lê Minh Hữu (2014), "Nghiên cứu tình hình tăng huyết áp và việc thực hiện theo dõi và điều trị ở người từ 25 tuổi trở lên tại huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang", Y học thực hành, số 944-2014, trang 312-314.
5. Nguyễn Thanh Tùng (2010), "Nghiên cứu tình hình tăng huyết áp ở người lao động và yếu tố liên quan ở tuổi lao động Hậu Giang", Luận văn chuyên khoa cấp II, Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.
6. Nguyễn Lân Việt (2012), "Áp dụng một số giải pháp can thiệp thích hợp để phòng, chữa bệnh tăng huyết áp tại công đồng", Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ.
7. Cressioni Mabel, Gorina Yelena, Bilheimer Linda & Richard, G. (2010), "Trends in Health Status and Health care Use Among Older Men", National Health Statistics Report, page 5.

KẾT QUẢ GẮN PHẪU THUẬT THAY KHỚP HÁNG BÀN PHÂN VỚI ĐƯỜNG MỔ BÊN NGOÀI TRỰC TIẾP

VŨ NHẤT ĐỊNH, NGUYỄN TRẦN CẢNH TÙNG
Bệnh viện Quân y 103

TÓM TẮT

Nghiên cứu đánh giá kết quả gắn của 55 bệnh nhân được phẫu thuật thay khớp háng bán phần Bipolar với đường mổ bên ngoài trực tiếp tại Bệnh viện 103 từ tháng 1 năm 2013 đến tháng 4 năm 2016. Kết quả: Đường mổ có kích thước trung bình 9,93 \pm 1,5 cm, thời gian phẫu thuật từ 45 - 60 phút, lượng máu

truyền trung bình 636,36 \pm 485,51ml. 100% liền vết mổ kỹ đầu. Kết quả X-quang sau mổ chuỗi thẳng trục chiếm 90,9%. 45,5% mất cân bằng chiều dài chi.

Từ khóa: Thay khớp háng bán phần, đường mổ bên ngoài trực tiếp.

SUMMARY

EARLY RESULTS OF BIPOLAR HEMIARTHROPLASTY SURGERY WITH DIRECT LATERAL APPROACH

The study evaluated the early results of 55 patients were performed Bipolar hemiarthroplasty with direct lateral approach at 103 Hospital from January 2013 to April 2016. Results: the incision length average: 9.93 \pm 1.5 cm, surgery time from 45-60 minutes, the blood transfusion: 636.36 \pm 485.51ml. 100% skin heal on the primary period. X-ray results after surgery accounted

Chịu trách nhiệm: Nguyễn Trần Cảnh Tùng

Địa chỉ: Bệnh viện Quân y 103

Email: bstungbv103@gmail.com

Ngày nhận: 15/7/2016

Ngày phản biện: 10/8/2016

Ngày duyệt bài: 24/8/2016

Ngày xuất bản: 20/9/2016